

Số: 831/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành chương trình đào tạo
Hệ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-BKH ngày 12/5/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 6118/QĐ-BGDĐT ngày 21/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Học viện Chính sách và Phát triển đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng KH-ĐT và Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

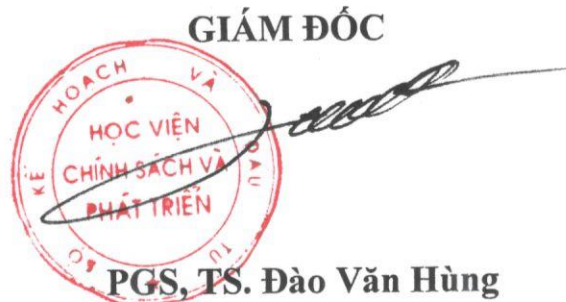
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo áp dụng cho hệ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Học viện Chính sách và Phát triển” (Có chương trình kèm theo).

Điều 2. Trong quá trình thực hiện chương trình, nếu phát sinh những vấn đề điều chỉnh, Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo đề nghị Giám đốc Học viện xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Khoa Tài chính – Tiền tệ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên học thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng tại Học viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *✓*

- Như Điều 3;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS, TS. Đào Văn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG THEO ĐỊNH HƯỚNG
NGHIÊN CỨU/ ỨNG DỤNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 834.../QĐ-HVCSPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Tên chương trình	:	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
Trình độ đào tạo	:	THẠC SỸ
Ngành đào tạo	:	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
Mã số	:	60.34.02.01

1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng trình độ thạc sỹ được xây dựng dựa trên các văn bản pháp lý cơ bản sau:

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 18/6/2012;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

- Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Chính sách và Phát triển;

- Quyết định số 584/QĐ-BKHĐT ngày 12/05/2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

- Quyết định số 4814/QĐ-BGDĐT ngày 30/07/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Học viện Chính sách và Phát triển đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành: Kinh tế, Chính sách công và Tài chính – Ngân hàng;

- Thông tư Thông tư số 04 /2012/TT-BGDĐT ngày 15/2 /2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sỹ, tiến sỹ;

- Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, hồ sơ quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sỹ, trình độ tiến sỹ;

- Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT/QDD-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sỹ;

- Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo¹

2.1. Mục tiêu chung

2.1.1. Đối với chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu

Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo.

Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững lý thuyết, có kiến thức, có trình độ cao về thực hành, nghiên cứu, hoạch định chính sách trong lĩnh vực tài Tài chính – Ngân hàng; có tư duy độc lập, khả năng sáng tạo, kỹ năng làm việc trong các Bộ, Ban, Ngành, các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức Tài chính – Tín dụng, các ngân hàng, các viện nghiên cứu và các trường đại học.

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng nghiên cứu, Học viên có thể tiếp tục học lên bậc tiến sĩ.

2.1.2. Đối với chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; phát huy hiệu quả kiến thức thuộc chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng vào công việc cụ thể, phù hợp với công việc thực tế tại đơn vị.

Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững lý thuyết, có kiến thức, có trình độ cao về thực thi chính sách trong lĩnh vực tài Tài chính – Ngân hàng; có kỹ năng làm việc trong các Bộ, Ban, Ngành, các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức Tài chính – Tín dụng, các ngân hàng ...

¹ Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng nghiên cứu và/hoặc theo định hướng ứng dụng phù hợp với năng lực, điều kiện và định hướng phát triển của Học viện trong từng giai đoạn và phụ thuộc yêu cầu thực tiễn của xã hội về đào tạo nguồn nhân lực.

LCM
HOC
HINH
PHAI

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, Học viên có thể tiếp tục học lên bậc tiến sĩ sau khi học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Về phẩm chất chính trị:

- Có phẩm chất chính trị vững vàng, nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước², chỉ đạo của Đảng của Nhà nước và cụ thể hóa trong các chính sách ban hành.
- Có phương pháp luận, tư duy khoa học và sáng tạo³.

- Về kiến thức:

- Giúp cho học viên nắm rõ vai trò của Chính Phủ trong phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển;
- Nắm vững kiến thức về thu ngân sách và chi tiêu Chính phủ và giải pháp nhằm quản lý hiệu quả thu ngân sách cũng như hiệu quả trong chi tiêu Chính phủ;
- Nắm vững được kiến thức và giải quyết các mối quan hệ giữa các khu vực tài chính khác nhau trong nền kinh tế;
- Mở rộng, nâng cao và cập nhật cho Học viên các kiến thức cơ sở đã được đào tạo ở bậc đại học ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên sâu về Tài chính công;
- Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ;
- Có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý, bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng;
- Trang bị mới theo hướng chuyên sâu cho học viên về kiến thức trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng đặc biệt chuyên sâu trong lĩnh vực hẹp là Tài chính công;

² Các học viên chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng cần có phẩm chất chính trị vững vàng bởi vì các chính sách đưa ra phải thể hiện được tư tưởng lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước góp phần thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Đảng, Nhà nước.

³ Các học viên chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí tư vấn và hoạch định chính sách trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, do vậy mục tiêu đào tạo về phương pháp luận và tư duy khoa học là rất cần thiết.

- Trang bị những kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, chuyên sâu về Tài chính công thông qua việc giải quyết các bài tập tình huống trong quá trình đào tạo.

- Về kỹ năng:

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển công nghệ mới trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến Tài chính – Ngân hàng; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến phản biện bằng ngoại ngữ.
- Có kỹ năng và nghiệp vụ chuyên nghiệp trên lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính công, có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề Tài chính – Ngân hàng ở tầm vĩ mô; có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc hàng ngày.
- Có kỹ năng phân tích logic các diễn biến kinh tế, từ đó đưa ra các dự báo hoặc ý kiến tư vấn cho cơ quan chức năng về những dự báo kinh tế, tài chính, đặc biệt trong việc lập dự toán ngân sách.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc ngành Tài chính – Ngân hàng và đề xuất những sáng kiến có giá trị;
- Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn;
- Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn;
- Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn;
- Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề lớn;

- Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng nói chung và lĩnh vực hẹp là quản lý Tài chính công nói riêng trong các cơ sở nghiên cứu và giáo dục đại học;
- Có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở trình độ Tiến sĩ; tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

3. Chương trình đào tạo

3.1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu

3.1.1. Khái quát chương trình:

a. Tổng số các học phần và tín chỉ:

- Toàn bộ chương trình: **60 Tín chỉ**
- Tổng số học phần: **17 Học phần**

b. Nhóm các học phần

b.1. Phần 1: Khối các kiến thức chung: 02 học phần

Tổng số: 07 tín chỉ

- Triết học: 04 Tín chỉ
- Ngoại ngữ: 03 Tín chỉ

b.2. Phần 2: Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 15 học phần

- Nhóm các học phần bắt buộc:
 - + Số học phần: 07
 - + Số tín chỉ: 22 Tín chỉ
- Nhóm các học phần tự chọn:
 - + Số học phần: 08
 - + Số Tín chỉ: 19 Tín chỉ (chiếm trên 30% toàn bộ chương trình)

b.3. Phần 3: Luận văn thạc sỹ

Luận văn Thạc sỹ: 12 Tín chỉ (chiếm 20 % toàn bộ chương trình)

5.1.2. Danh mục các học phần:

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
I.			PHẦN KIẾN THỨC CHUNG	7	5	2
1	TCTH	501	Triết học	4	3	1

2	TCTA	502	Tiếng Anh Tài chính – Ngân hàng	3	2	1
II			PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	41	27	14
II.1			Các học phần cơ sở ngành	19	11	8
II.1.a			Các học phần bắt buộc	9	6	3
1	TCPT	503	Tài chính phát triển	3	2	1
2	TCDB	504	Kinh tế lượng trong phân tích và dự báo Kinh tế - Xã hội	3	2	1
3	TCKH	505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1
II.1b			Các học phần tự chọn (chọn 5 trong số 7 học phần)	10	5	5
1	TCCS	506	Chính sách công	2	1	1
2	TCCP	507	Kinh tế học chi tiêu Chính phủ	2	1	1
3	TCĐC	508	Đầu tư Công	2	1	1
4	TCPC	509	Phân tích và đánh giá chính sách	2	1	1
5	TCKC	510	Quản lý khu vực công	2	1	1
6	TCQL	511	Quản lý Tài chính trong các đơn vị công	2	1	1
7	TCĐT	512	Đấu thầu dự án đầu tư công	2	1	1
II.2			Học phần chuyên ngành	22	15	7
II.2.a			Học phần bắt buộc	13	9	4
1	TCQT	513	Quản lý Tài chính công	4	3	1
2	TCTU	514	Nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương	3	2	1
3	TCCT	515	Chính sách Thuế	3	2	1
4	TCTĐ	516	Thẩm định dự án đầu tư công	3	2	1
II.2.b			Học phần tự chọn (chọn 3 trong số 5 học phần)	9	6	3
1	TCBH	517	Quản lý Tài chính Bảo hiểm	3	2	1
2	TCĐP	518	Quản trị các định chế tài chính phát triển	3	2	1

3	TCTS	519	Quản lý tài sản công	3	2	1
4	TCRR	520	Quản trị rủi ro Tài chính quốc gia	3	2	1
5	TCKT	521	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán công	3	2	1
III			Luận văn Thạc sĩ	12	0	12
			TỔNG CỘNG	60	32	28

*** Ghi chú:** Theo Quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ quy định:

“Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 tiết tự học..”.

3.2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

3.2.1. Khái quát chương trình:

a. Tổng số các học phần và tín chỉ:

- Toàn bộ chương trình: **60 Tín chỉ**
- Tổng số học phần: **18 Học phần**

b. Nhóm các học phần

b.1. Phần 1: Khối các kiến thức chung: 02 học phần

Tổng số: 07 tín chỉ

- Triết học: 04 Tín chỉ
- Ngoại ngữ: 03 Tín chỉ

b.2. Phần 2: Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 15 học phần

- Nhóm các học phần bắt buộc:

- + Số học phần: 06
- + Số tín chỉ: 19 Tín chỉ

- Nhóm các học phần tự chọn:

- + Số học phần: 10
- + Số Tín chỉ: 24 Tín chỉ (chiếm trên 35% toàn bộ chương trình)

b.3. Phần 3: Luận văn thạc sĩ

Luận văn Thạc sĩ: 10 Tín chỉ (chiếm 17 % toàn bộ chương trình)

3.2.2. Danh mục các học phần:

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
I.			PHẦN KIẾN THỨC CHUNG	7	5	2
1	TCTH	501	Triết học	4	3	1
2	TCTA	502	Tiếng Anh Tài chính – Ngân hàng	3	2	1
II			PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	43	27	16
II.1			Các học phần cơ sở ngành	18	10	8
II.1.a			Các học phần bắt buộc	6	4	2
1	TCPT	503	Tài chính phát triển	3	2	1
2	TCDB	504	Kinh tế lượng trong phân tích và dự báo Kinh tế - Xã hội	3	2	1
II.1b			Các học phần tự chọn (chọn 6 trong số 8 học phần)	12	6	6
1	TCKH	505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1
2	TCCS	506	Chính sách công	2	1	1
3	TCCP	507	Kinh tế học chi tiêu Chính phủ	2	1	1
4	TCĐC	508	Đầu tư Công	2	1	1
5	TCPC	509	Phân tích và đánh giá chính sách	2	1	1
6	TCKC	510	Quản lý khu vực công	2	1	1
7	TCQL	511	Quản lý Tài chính trong các đơn vị công	2	1	1
8	TCĐT	512	Đấu thầu dự án đầu tư công	2	1	1
II.2			Học phần chuyên ngành	25	17	8
II.2.a			Học phần bắt buộc	13	9	4
1	TCQT	513	Quản lý Tài chính công	4	3	1
2	TCTU	514	Nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương	3	2	1
3	TCCT	515	Chính sách Thuế	3	2	1
4	TCTĐ	516	Thẩm định dự án đầu tư công	3	2	1

II.2.b			Học phần tự chọn (chọn 4 trong số 5 học phần)	12	8	4
1	TCBH	517	Quản lý Tài chính Bảo hiểm	3	2	1
2	TCĐP	518	Quản trị các định chế tài chính phát triển	3	2	1
3	TCTS	519	Quản lý tài sản công	3	2	1
4	TCRR	520	Quản trị rủi ro Tài chính quốc gia	3	2	1
5	TCKT	521	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán công	3	2	1
III			Luận văn Thạc sỹ	10	0	10
			TỔNG CỘNG	60	32	28

*** Ghi chú:** Theo Quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ quy định:

“Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 tiết tự học..”.